Bài 27

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ
(tiếp theo)

I – MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

1. Về kiến thức

– Hiểu được sự cần thiết phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

– Trình bày được các thay đổi trong cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu thành phần kinh tế và cơ cấu lãnh thổ kinh tế nước ta trong thời kì Đổi mới.

2. Về kĩ năng

– Biết phân tích các biểu đồ, bảng số liệu về cơ cấu kinh tế.

– Có kĩ năng vẽ biểu đồ cơ cấu kinh tế.

II – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– Các biểu đồ cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu thành phần kinh tế nước ta (phóng to).

– Bản đồ Hành chính Việt Nam (trong SGK).

– Bản đồ Kinh tế chung Việt Nam.

III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

– Cơ cấu kinh tế nước ta đang được chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

– Cơ cấu ngành kinh tế đang chuyển dịch theo hướng : tăng tỉ trọng của khu vực II, giảm tỉ trọng của khu vực I.

– Cơ cấu thành phần kinh tế chuyển dịch theo hướng : giảm tỉ trọng của khu vực kinh tế Nhà nước, tăng tỉ trọng của kinh tế tư nhân và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

– Cơ cấu lãnh thổ kinh tế chuyển dịch theo hướng thay đổi tỉ trọng của các vùng trong giá trị sản xuất cả nước, hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế, vùng chuyên canh và các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất có quy mô lớn.

IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mở bài

GV cần phân tích để HS nắm được :

– Tăng trưởng kinh tế với tốc độ nhanh là hết sức quan trọng, nhưng để tăng trưởng bền vững, đưa đất nước tiến theo con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá thì phải chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế.

Với các lớp HS khá – giỏi, GV có thể phân nhóm thảo luận để làm rõ hơn nhận định trên.

– Cơ cấu nền kinh tế bao gồm : cơ cấu ngành, cơ cấu thành phần kinh tế và cơ cấu lãnh thổ kinh tế.

2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá

a) Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

– GV yêu cầu HS phân tích hình 27 để rút ra nhận xét về xu hướng chuyển dịch của ba khu vực kinh tế :

+ Khu vực I (nông, lâm, ngư nghiệp) có xu hướng giảm nhanh về tỉ trọng.

+ Khu vực II (công nghiệp – xây dựng) tăng nhanh về tỉ trọng và hiện đang có tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP.

+ Khu vực III (dịch vụ) tuy chưa ổn định nhưng có tỉ trọng cao.

Xu hướng chuyển dịch như trên cho thấy nước ta có tốc độ công nghiệp hoá khá nhanh.

– GV yêu cầu HS đọc SGK và phân tích bảng 27.1 để rút ra nhận xét về xu hướng chuyển dịch trong nội bộ từng ngành kinh tế :

+ Ở khu vực I có sự chuyển dịch theo hướng : giảm tỉ trọng nông nghiệp, tăng tỉ trọng của ngành thuỷ sản.

Tổng sản lượng thuỷ sản đã tăng từ 890,6 nghìn tấn (năm 1990) lên 3465,9 nghìn tấn (năm 2005). Giá trị thuỷ sản đã đạt gần 25% trong cơ cấu giá trị nông, lâm, ngư nghiệp.

Trong nông nghiệp : giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi.

Trong ngành trồng trọt : giảm tỉ trọng cây lương thực, tăng tỉ trọng cây công nghiệp. Nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, những năm vừa qua, một phần diện tích trồng lúa, hoa màu có năng suất và hiệu quả thấp đã được chuyển sang trồng cây công nghiệp, nhất là những loại cây phục vụ xuất khẩu và làm nguyên liệu cho công nghiệp, có giá trị cao.

+ Ở khu vực II có sự chuyển dịch theo xu hướng : tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến, giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác.

Cơ cấu sản phẩm công nghiệp cũng thay đổi : tăng tỉ trọng của các sản phẩm cao cấp, có khả năng cạnh tranh về chất lượng và giá cả ; giảm tỉ trọng của các sản phẩm ít có khả năng cạnh tranh.

Công nghiệp chế biến chiếm khoảng 83,2 % giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp (năm 2005). Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu đưa nước ta trở thành nước công nghiệp vào năm 2020 thì tỉ trọng của công nghiệp chế biến như trên vẫn là rất thấp. Một số ngành công nghiệp chế biến chủ lực là : chế biến lương thực thực phẩm, dệt, da giày, may mặc, sản xuất hoá chất, cao su, plastic... ; những ngành công nghiệp này vừa giải quyết nhu cầu tiêu dùng thiết yếu, vừa giải quyết nhiều việc làm cho xã hội. Ngoài ra, một số ngành công nghệ cao cũng bước đầu được hình thành và phát triển như : sản xuất ô tô, thiết bị chính xác, máy móc điện tử và viễn thông, máy tính, máy văn phòng...

Xu hướng chuyển dịch như trên cho thấy các ngành kinh tế ở nước ta đang phát triển cân đối, toàn diện, hiện đại hơn và phù hợp với xu thế hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

b) Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế

– GV yêu cầu HS phân tích bảng 27.2 để thấy sự chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế.

GV có thể gợi ý để HS thấy được :

+ Khu vực kinh tế Nhà nước giảm tỉ trọng, trong khi khu vực kinh tế tư nhân và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng tỉ trọng. Tuy nhiên, khu vực kinh tế Nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế.

+ Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng nhanh nhất, đặc biệt là từ khi nước ta gia nhập WTO.

– Xu hướng chuyển dịch như trên cho thấy ở nước ta đang phát triển nền kinh tế hàng hoá vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta đang phát huy sức mạnh của mọi thành phần kinh tế và hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

c) Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế

Vì thời gian trên lớp không nhiều nên khó có thể phân tích sự chuyển dịch kinh tế của các vùng trong cả nước. GV cũng không cần giải thích nhiều vì điều này HS sẽ được học kĩ ở phần "Các vùng kinh tế". GV có thể tham khảo thêm về sự chuyển dịch của các vùng trong cả nước qua bảng số liệu dưới đây.

CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NÔNG – LÂM – NGƯ NGHIỆP VÀ CÔNG NGHIỆP CỦA CÁC VÙNG TRONG CẢ NƯỚC (%)

Vùng	Nông – lâm – ngư nghiệp			Công nghiệp		
	1996	2000	2005	1996	2000	2005
Đồng bằng sông Hồng	15,3	16,2	14,7	17,1	17,2	19,7
Trung du và miền núi Bắc Bộ	11,8	9,7	9,6	6,9	4,7	4,6
Bắc Trung Bộ	8,7	8,7	8,2	3,2	2,5	2,4
Duyên hải Nam Trung Bộ	9,2	9,0	8,3	5,3	4,8	4,7
Tây Nguyên	5,7	8,5	9,2	1,3	1,0	0,7
Đông Nam Bộ	9,0	8,8	9,3	49,6	54,7	55,6
Đồng bằng sông Cửu Long	40,3	39,1	40,7	11,2	10,6	8,8
Không xác định				5,4	4,5	3,5
Cả nước	100	100	100	100	100	100

GV yêu cầu HS xác định phạm vi của ba vùng kinh tế trọng điểm trên bản đồ Hành chính Việt Nam. GV có thể nêu thêm vai trò động lực của ba vùng kinh tế trọng điểm này đối với các vùng kinh tế trên đất nước. Cụ thể :

– Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc : đi đầu về hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường.

– Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung : Từng bước phát triển miền Trung thành một trong những vùng phát triển năng động của cả nước, đảm bảo vai trò hạt nhân tăng trưởng và thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực miền Trung, Tây Nguyên.

– Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam : Giữ vị trí đầu tàu kinh tế, dẫn đầu trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là vùng kinh tế động lực của cả nước.